

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

Căn cứ Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động Thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thủ tục hải quan; quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh trong hoạt động thương mại biên giới; thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan và quản lý thuế đối với việc mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của thương nhân và cư dân biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại biên giới;
2. Cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới tại cửa khẩu, chợ cửa khẩu, chợ biên giới và chợ trong khu kinh tế cửa khẩu;
3. Cơ quan Hải quan và các cơ quan, tổ chức, quản lý điều hành hoạt động thương mại biên giới;
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

THỦ TỤC HẢI QUAN, GIÁM SÁT HẢI QUAN, QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI - ĐỐI VỚI VIỆC MUA GOM, VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA MUA BÁN TRAO ĐỔI CỦA THƯƠNG NHÂN VÀ CƯ DÂN BIÊN GIỚI

Điều 3. Thủ tục hải quan và quản lý thuế đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa qua biên giới thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính và phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo pháp luật quản lý thuế hiện hành.
2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân qua biên giới phải tuân thủ quy định của pháp luật về chính sách mặt hàng, kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm.
3. Thương nhân là hộ kinh doanh được đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh phải đăng ký mã số thuế trước khi làm thủ tục hải quan.

Điều 4. Thủ tục hải quan và quản lý thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu, lối mở biên giới của cư dân biên giới

1. Hàng hóa mua bán trao đổi cư dân biên giới thực hiện khai báo trên tờ khai hàng nhập khẩu cư dân biên giới và tờ khai hàng xuất khẩu cư dân biên giới (Mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư này). Tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu cư dân biên giới do cơ quan Hải quan (hoặc Biên phòng) in theo mẫu và phát cho cư dân biên giới.

2. Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện xác nhận trên tờ khai hàng cư dân biên giới như sau: Công chức đăng ký tiếp nhận tờ khai ký và đóng dấu công chức vào góc trên bên phải tờ khai; công chức kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức tính, thu thuế ký tên đóng dấu công chức vào phía dưới tờ khai, phần kiểm tra, tính thuế của cơ quan hải quan.

3. Đối với hàng hóa nằm trong danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới nhưng vượt định mức miễn thuế quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện tính thuế trên tờ khai hàng cư dân biên giới và thu thuế ngay tại cửa khẩu, lối mở.

4. Hàng hóa của cư dân biên giới nằm ngoài Danh mục hàng hóa mua bán trao đổi cư dân biên giới thực hiện khai báo trên tờ khai hàng cư dân biên giới và phải thực hiện đầy đủ các quy định về chính sách mặt hàng; Chi cục Hải quan cửa khẩu tính thuế và thu ngay tại cửa khẩu, lối mở.

5. Đối với các cửa khẩu chưa có kho bạc thu thuế tại cửa khẩu thì cơ quan hải quan viết biên lai và thu thuế trực tiếp, việc chuyển số tiền thuế đã thu của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 126/2014/TT-BTC ngày 28/8/2014 của Bộ Tài chính.

6. Hàng hóa của cư dân biên giới mua bán trao đổi qua cửa khẩu biên giới thực hiện kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra kiểm soát về chất lượng theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Hàng hóa nhập khẩu của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế nhưng không sử dụng cho đời sống và sản xuất của mình khi bán nhượng lại phải kèm tờ khai hàng cư dân biên giới để thương nhân mua gom thực hiện đăng ký, khai báo với cơ quan hải quan theo Điều 6 Thông tư này.

8. Đối với cửa khẩu, lối mở không có cơ quan hải quan thì Bộ đội Biên phòng quản lý theo quy định tại Điều 51 Luật Hải quan; thủ tục, kiểm tra và xác nhận theo hướng dẫn tại khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6 Điều này.

Điều 5. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân, hộ kinh doanh tại chợ cửa khẩu, chợ biên giới, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

1. Thương nhân đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg mua bán trao đổi hàng hóa tại chợ cửa khẩu, chợ biên giới, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu khi xuất, nhập khẩu thực hiện đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu.

2. Thương nhân nhập hàng hóa từ nước có chung biên giới đưa vào chợ hoặc xuất hàng hóa từ chợ sang nước có chung biên giới, khi làm thủ tục hải quan đăng ký tờ khai giấy (theo mẫu tại phụ lục IV Thông tư số 38/2015/TT-BTC). Thủ tục hải quan và quản lý thuế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

3. Thương nhân của nước có chung biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước có chung biên giới, nếu không có Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện được thành lập theo quy định của pháp luật tại Việt Nam, chưa được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định, khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu phải thông qua Đại lý hải quan.

4. Hàng hóa nhập từ nước có chung biên giới đưa vào chợ hoặc từ chợ xuất sang nước có chung biên giới thuộc đối tượng phải kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật, thủy sản), thuộc đối tượng phải kiểm tra chất lượng và an toàn thực phẩm thì phải hoàn thành các thủ tục kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định trước khi làm thủ tục hải quan.

Điều 6. Thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hoạt động mua gom hàng hóa của cư dân biên giới

1. Thương nhân khi thực hiện mua gom hàng hóa của cư dân biên giới tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu phải lập bảng kê mua gom hàng hóa và khai báo trên tờ khai giấy (quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).

2. Thủ tục hải quan, chính sách quản lý thuế, kiểm dịch, kiểm tra chất lượng thực hiện theo quy định hiện hành, hồ sơ gồm:

2.1. Tờ khai hải quan giấy (Mẫu tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính);

2.2. Bảng kê cụ thể lượng hàng hóa mua gom từ các tờ khai hàng cư dân biên giới, có chữ ký của thương nhân thực hiện việc mua gom (Mẫu Bảng kê ban hành kèm theo Thông tư này).

2.3. Các tờ khai hàng cư dân biên giới;

2.4. Các văn bản xác nhận về kiểm dịch, kiểm tra chất lượng (nếu thuộc các mặt hàng phải kiểm dịch, kiểm tra nhà nước về chất lượng).

3. Địa điểm thực hiện mua gom: Khu vực cửa khẩu biên giới; Chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg.

4. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thương nhân mua gom hàng hóa cư dân biên giới thực hiện đăng ký, khai hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi có chợ cửa khẩu, chợ biên giới, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; tại Trạm kiểm soát liên hợp được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định thành lập hoặc tại Chi cục